| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÙ CÁT**<br>**TỈNH BÌNH ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2022
*V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Đức Minh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt

2. Bà Huỳnh Thị Tuyết Mai

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Hậu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên toà:*** Ông Bùi Trường Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm: 1994
  Trú tại: thôn X, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.
- Bị đơn*:* Anh Lê Văn T, sinh năm: 1990
  Trú tại: thôn C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Định.

*(Chị M có mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:*

Chị với anh Lê Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 30/6/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T không chăm

lo làm ăn mà ham chơi bài bạc chị góp ý thì anh T đánh chị và cũng từ thời gian này chị bỏ đi về phía gia đình của chị ở thôn X, xã C, huyện P sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

Chị với anh Lê Văn T có 01 người con chung tên là Lê Quốc Bảo T, sinh ngày 23/01/2018. Hiện tại sức khỏe cháu T phát triển bình thường và đang ở với anh T. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn chị chấp nhận giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt.*

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa:*

Về tố tụng: việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của chị M kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt nên chưa chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị M được ly hôn anh T, giao con chung là cháu Lê Quốc Bảo T, sinh ngày 23/01/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Trần Thị M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung các đương sự không tranh chấp nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị M được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Văn T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham dự phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án và tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Trần Thị M với anh Lê Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P ngày 30/6/2017 nên quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh T được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày:

Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T không chăm lo làm ăn mà chơi bài bạc chị góp ý thì anh T đánh chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho tới nay, không ai quan tâm đến ai. Chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Trần Thị M với anh Lê Văn T phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nhưng các bên không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc. Đối với bị đơn anh Lê Văn T nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh T đều vắng mặt. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh ông Lê Văn T là cha ruột của anh T được biết anh T hiện nay đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú sinh sống cùng với gia đình của ông ở thôn C, xã T, huyện P, gia đình cũng xác nhận vợ chồng anh T, chị M xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng nên đã sống ly thân từ năm 2021. Việc anh T không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án nên anh T phải chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập của Tòa án. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị M với anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[2.4]. Về con chung:

Chị Trần Thị M với anh Lê Văn T có 01 người con chung tên là Lê Quốc Bảo T, sinh ngày 23/01/2018. Hiện nay sức khỏe cháu T phát triển bình thường và đang ở với anh T. Khi ly hôn chị M chấp nhận giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng).*

Xét yêu cầu giải quyết nuôi con của chị M, Hội đồng xét xử thấy rằng: việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặc để con phát triển bình thường. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu Thịnh do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đã

quen với lối sống tại gia đình anh T, hơn nữa chị M thống nhất giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cháu Lê Quốc Bảo T, sinh ngày 23/01/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Trần Thị M phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M về việc yêu cầu ly hôn anh Lê Văn T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn anh Lê Văn T.

1.2. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Lê Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Quốc Bảo T, sinh ngày 23/01/2018. Chị Trần Thị M sẽ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng *(Một triệu năm trăm nghìn đồng)*. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 8/2022 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

*Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.*

1.3. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, chị M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 00..... ngày ..... tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

+ Án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng.

3. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện Phù Cát (02b);*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *UBND xã C, H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đức Minh**